

Số: 34/QĐ-LN-CĐS

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CỤC LÂM NGHIỆP NĂM 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDs ngày 04/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giai đoạn 2022-2025.

Căn cứ Quyết định số 1837/QĐ-BNN-VP ngày 11/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thông tin và Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi số của Cục Lâm nghiệp năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, các Trưởng phòng thuộc Cục và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Trung tâm CDS và TKNN (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để b/c);
- Cục Kiểm lâm (để p/h);
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng, đơn vị thuộc Cục;
- Lưu: VT, CDS.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang Bảo

KẾ HOẠCH

CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CỤC LÂM NGHIỆP NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-LN-CĐS ngày 29/5/2023 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý công việc hành chính của Cục Lâm nghiệp.

Bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống Thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp và các phần mềm chuyên dụng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thành danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục Lâm nghiệp và ban hành được Kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục.

- Nâng cấp, cải tiến Hệ thống nền Thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp (FORMIS) nhằm đáp ứng các yêu cầu về cấu trúc, chuẩn hóa dữ liệu, đảm bảo cho việc cài đặt, tích hợp, kết nối các phần mềm/ứng dụng chuyên ngành vào Hệ thống.

- Thiết lập Hệ thống CSDL tập trung, thực hiện quản lý dữ liệu trên hệ thống FORMIS.

- 100% văn bản được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật và các văn bản khác theo quy định); nâng cấp và vận hành Hệ thống báo cáo trực tuyến phục vụ quản lý điều hành.

- Duy trì ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục được cập nhật và thực hiện trên Cổng thông tin một cửa điện tử của Bộ.

- Cải thiện năng lực quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin tại Cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo môi trường công nghệ, an toàn thông tin mạng.

- Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ lâm nghiệp các cấp trong thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ngành Lâm nghiệp.

- Đảm bảo an toàn thông tin trên toàn Hệ thống.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tổ chức hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số lĩnh vực lâm nghiệp.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số.

- Thực hiện các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số lĩnh vực lâm nghiệp; xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang thông tin điện tử của Cục.

2. Xây dựng và thực hiện thể chế về chuyển đổi số, chính phủ điện tử

- Quán triệt và triển khai các văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý của Cục.

- Xây dựng, rà soát các quy chế hoạt động liên quan đến chuyển đổi số của Cục (quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp; quy chế sử dụng VPĐT, quy chế hoạt động bộ phận 1 cửa,...)

- Thực hiện tiếp nhận, xử lý và quản lý văn bản trên Hệ thống Văn phòng điện tử dùng chung của Bộ

- Thực hiện báo cáo trực tuyến/cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao trên Hệ điều hành VPĐT của Cục Lâm nghiệp.

- Thực hiện rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Cục Lâm nghiệp.

- Cập nhật tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Cục trên Cổng thông tin một cửa điện tử của Bộ.

3. Phát triển hạ tầng số

- Bổ sung máy chủ và thiết bị lưu trữ tập trung (San và thiết bị liên quan), hệ thống mạng (Switch), hệ thống bảo mật (Firewall), trang thiết bị phần cứng (ram, ổ cứng,...), bản quyền phần mềm thương mại, máy tính và thiết bị liên quan phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số và vận hành Hệ thống, đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin.

- Rà soát lỗ hổng và bảo dưỡng trang thiết bị cho hệ thống máy chủ của Cục Lâm nghiệp đặt tại Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp, đề xuất các giải pháp khi vận hành hệ thống.

- Duy trì ổn định hệ thống mạng (bao gồm hệ thống bảo mật) đủ mạnh để đảm bảo hệ thống kết nối mạng.

4. Phát triển nền tảng số

Xây dựng nền tảng và cơ chế tích hợp dữ liệu chuyên ngành Lâm nghiệp vào Hệ thống Thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp (FORMIS) phục vụ cho việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu và kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

- Đánh giá hiện trạng toàn bộ Hệ thống nền FORMIS.

- Chuẩn hóa cấu trúc Hệ thống nền FORMIS.

- Xây dựng và cài đặt các ứng dụng tích hợp thông qua giải pháp nền tảng Trục liên thông.

- Xây dựng và cài đặt hệ thống xác thực 1 lần (SSO) lên hệ thống máy chủ.

5. Phát triển dữ liệu số

5.1. Nâng cấp các ứng dụng/phần mềm hiện có

Các ứng dụng/Phần mềm/CSDL chuyên ngành về Lâm nghiệp hiện tại đã được cài đặt trên hệ thống FORMIS là 19 ứng dụng/CSDL chuyên ngành. Qua rà soát và đề xuất từ các đơn vị chuyên môn, đề xuất ưu tiên nâng cấp 02 ứng dụng/phần mềm sau:

- Phần mềm quản lý Giống cây trồng Lâm nghiệp (nâng cấp/phát triển từ Trang thông tin Giống cây trồng Lâm nghiệp);

- Trang thông tin bản đồ mùa vụ.

5.2. Xây dựng các ứng dụng/phần mềm/CSDL chuyên ngành theo yêu cầu của đơn vị chuyên môn

- Xây dựng Cổng thông tin điện tử ngành Lâm nghiệp.

- Rà soát, lập kế hoạch chi tiết để triển khai xây dựng các ứng dụng/phần mềm chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành về các lĩnh vực (Quản lý rừng phòng hộ; Tổ chức sản xuất lâm nghiệp; Khoa học công nghệ về lâm nghiệp; Các chương trình, dự án về lâm nghiệp...)

5.3. Chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu vào Hệ thống FORMIS, thiết lập Hệ thống CSDL tập trung.

- Chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào các phần mềm/ứng dụng đã nâng cấp (CSDL Giống cây trồng Lâm nghiệp; thông tin bản đồ mùa vụ và Cổng thông tin điện tử ngành Lâm nghiệp).

- Đồng bộ CSDL, cài đặt/tích hợp vào Hệ thống FORMIS

- Xây dựng hệ thống xuất dữ liệu, báo cáo theo yêu cầu quản lý.

- Duy trì việc cập nhật CSDL thường xuyên theo yêu cầu của các phần mềm/ứng dụng và chế độ báo cáo.

- Quản trị Hệ thống CSDL.

6. Phát triển nguồn nhân lực số

- Đào tạo, tập huấn cho công chức, viên chức và người lao động về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Bổ sung cán bộ chuyên trách về CNTT; tăng cường năng lực/đào tạo chuyên sâu về CNTT cho cán bộ chuyên trách.

7. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

Triển khai các nội dung nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của đơn vị, trong đó:

- Xây dựng hệ thống tường lửa, hệ thống máy chủ, sao lưu dữ liệu, phần mềm diệt virus...

- Xây dựng kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thông tin cho ứng dụng CNTT của Cục. Với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- + Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan.

- + Hoàn thành xác định cấp độ và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- + Duy trì và phát triển hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ

thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin của cơ quan. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (nhất là TCVN 11930:2017) vào hoạt động của cơ quan;

- + Duy trì và nâng cấp Hệ thống thông tin (đặt tại Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê Nông nghiệp), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin);

- + Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- + Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp, hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối;

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá (về kỹ thuật) an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

- + Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

- + Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

- + Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

- + Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

III. GIẢI PHÁP

1. **Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành.**

2. **Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai Dự án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số ngành lâm nghiệp”.**

- Thuê đơn vị Tư vấn rà soát, đánh giá cụ thể về Hệ thống nền do Dự án FORMIS đã xây dựng để nâng cấp và xây dựng trực liên thông, đáp ứng yêu cầu về khả năng tích hợp, kết nối với các phần mềm/ứng dụng chuyên ngành.

- Rà soát, xác định các phần mềm/ứng dụng chuyên ngành tiếp tục duy trì, nâng cấp, cải tiến, xây dựng mới để tích hợp trong Hệ thống FORMIS.

- Xây dựng/nâng cấp các phần mềm/ứng dụng chuyên ngành đã xác định (theo đặt hàng của đơn vị chuyên môn, đảm bảo tích hợp được vào Hệ thống)

3. **Triển khai cập nhật cơ sở dữ liệu vào các phần mềm/ứng dụng chuyên ngành từ các địa phương/đơn vị (cập nhật dữ liệu gốc và duy trì cập nhật thường xuyên)**

4. Thiết lập, quản lý Hệ thống CSDL chuyên ngành tập trung trên Hệ thống FORMIS

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; đề xuất phê duyệt Dự án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ngành lâm nghiệp từ Chương trình 809).

2. Nguồn kinh phí xã hội hóa: các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các Chương trình, dự án, các tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, cộng đồng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Thông tin và Chuyển đổi số

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức huy động, bố trí nguồn lực.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các hoạt động, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Quản trị Hệ thống: là đơn vị quản trị kỹ thuật (Hệ thống phần cứng, hỗ trợ người dùng, môi trường mạng...);

2. Các đơn vị trực thuộc Cục Lâm nghiệp và Cục Kiểm lâm

- Phối hợp với Phòng Thông tin và Chuyển đổi số rà soát, xác định các phần mềm/ứng dụng chuyên ngành để tích hợp vào Hệ thống FORMIS.

- Là đơn vị quản trị nội dung theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn. Triển khai, đôn đốc việc cập nhật dữ liệu từ cơ sở, đảm bảo dữ liệu được cập nhật thường xuyên, liên tục; tổng hợp, phân tích và xử lý dữ liệu, đảm bảo tính chính xác của dữ liệu.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

2. Xây dựng và thực hiện thể chế về chuyển đổi số

3. Phát triển hạ tầng số

4. Phát triển nền tảng số

5. Phát triển dữ liệu số

6. Phát triển nguồn nhân lực số

7. An toàn thông tin mạng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số của Cục Lâm nghiệp năm 2023, trong quá trình triển khai thực hiện, có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục:

DANH MỤC NHIỆM VỤ

(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-LN-CĐS ngày 29/5/2023 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số				
1.1	Tổ chức hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số lĩnh vực lâm nghiệp	Quý III/2023	Phòng TT&CĐS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
1.2	Tổ chức học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số	Quý IV/2023	Phòng TT&CĐS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
1.3	Thực hiện các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số lĩnh vực lâm nghiệp; xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang thông tin điện tử của Cục.	Thường xuyên	Phòng TT&CĐS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
2	Xây dựng và thực hiện thể chế về chuyển đổi số, chính phủ số				
2.1	Quản triệt và triển khai các văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý của Cục	Thường xuyên	Phòng TT&CĐS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
2.2	Xây dựng, rà soát các quy chế hoạt động liên quan đến chuyển đổi số của Cục (quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp; quy chế sử dụng VPĐT, quy chế hoạt động bộ phận 1 cửa,...)	Quý II, III/2023	Phòng TT&CĐS; Văn phòng Cục	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
2.3	Thực hiện tiếp nhận, xử lý và quản lý văn bản trên Hệ thống VPĐT dùng chung của Bộ	Thường xuyên	LĐ Cục, Các Phòng/đơn vị thuộc Cục		

2.4	Thực hiện báo cáo trực tuyến/cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao trên Hệ điều hành VPĐT của Cục Lâm nghiệp.	Thường xuyên	Các Phòng/đơn vị thuộc Cục Phòng TT&CDS		
2.5	Thực hiện rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện quy trình nội bộ; quy trình điện tử giải quyết TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Cục Lâm nghiệp	Quý II/2023	Phòng TT&CDS; Văn phòng Cục	Các Phòng/đơn vị liên quan	
2.6	Cập nhật tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Cổng thông tin một cửa điện tử của Bộ.	Thường xuyên	Các phòng/đơn vị có giải quyết TTHC	Phòng TT&CDS; Văn phòng Cục	
3	Phát triển hạ tầng số				
3.1	Bổ sung máy chủ và thiết bị lưu trữ tập trung	Quý IV/2023	Phòng TT&CDS	Các Phòng/đơn vị liên quan	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
3.2	Rà soát lỗ hổng và bảo dưỡng trang thiết bị cho hệ thống máy chủ của Cục Lâm nghiệp	Thường xuyên	Phòng TT&CDS	Trung tâm CDS và TKNN - Bộ	Đề nghị cấp kinh phí bảo dưỡng hệ thống máy chủ
3.3	Duy trì ổn định hệ thống mạng	Thường xuyên	Phòng TT&CDS	Trung tâm CDS và TKNN - Bộ	
4	Phát triển nền tảng số: Xây dựng nền tảng và cơ chế tích hợp dữ liệu chuyên ngành LN vào Hệ thống FORMIS				
4.1	Đánh giá hiện trạng toàn bộ Hệ thống nền FORMIS	Quý III/2023	Phòng TT&CDS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL; Chuyên gia tư vấn	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
4.2	Chuẩn hóa cấu trúc Hệ thống nền FORMIS	Quý III, IV/2023	Phòng TT&CDS	Chuyên gia tư vấn;	Phụ thuộc nguồn kinh

				Trung tâm CDS và TKNN - Bộ	phí được cấp/phê duyệt dự án
4.3	Xây dựng và cài đặt các ứng dụng tích hợp thông qua giải pháp nền tảng Trục liên thông	Quý III, IV/2023	Phòng TT&CDS	Chuyên gia tư vấn; Trung tâm CDS và TKNN - Bộ	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
4.4	Xây dựng và cài đặt hệ thống xác thực 1 lần (SSO) lên hệ thống máy chủ	Quý III, IV/2023	Phòng TT&CDS	Chuyên gia tư vấn; Trung tâm CDS và TKNN - Bộ	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
5	Phát triển dữ liệu số				
5.1	Nâng cấp các ứng dụng/phần mềm hiện có				
5.1.1	Phần mềm quản lý Giống cây trồng Lâm nghiệp	Bắt đầu từ Quý III/2023	Phòng Phát triển rừng	Phòng TT&CDS; Chuyên gia tư vấn;	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
5.1.2	Trang thông tin bản đồ mùa vụ	Bắt đầu từ Quý III/2023	Phòng Phát triển rừng	Phòng TT&CDS; Chuyên gia tư vấn;	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
5.2	Xây dựng các ứng dụng/phần mềm/CSDL chuyên ngành theo yêu cầu của đơn vị chuyên môn				
5.2.1	Xây dựng Cổng thông tin điện tử ngành Lâm nghiệp.	Bắt đầu từ Quý III/2023	Phòng TT&CDS	Chuyên gia tư vấn; Trung tâm CDS và TKNN- Bộ	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
5.2.2	Rà soát, lập kế hoạch chi tiết để triển khai xây dựng các ứng dụng/phần mềm chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành về các lĩnh vực	Quý II, III/2023	Phòng TT&CDS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
5.3	Chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu				

	vào Hệ thống FORMIS, thiết lập Hệ thống CSDL tập trung				
5.3.1	Chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào các phần mềm/ứng dụng đã nâng cấp (CSDL Giống cây trồng Lâm nghiệp; thông tin bản đồ mùa vụ và Công thông tin điện tử ngành Lâm nghiệp).	Bắt đầu từ Quý III/2023	Phòng Phát triển rừng (CSDL Giống và bản đồ mùa vụ) Phòng TT&CDS (Công thông tin)	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
5.3.2	Đồng bộ CSDL, cài đặt/tích hợp vào Hệ thống FORMIS	Bắt đầu từ Quý III/2023	Phòng TT&CDS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
5.3.3	Xây dựng hệ thống xuất dữ liệu, báo cáo theo yêu cầu quản lý	Bắt đầu từ Quý III/2023	Phòng TT&CDS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
5.3.4	Duy trì việc cập nhật CSDL thường xuyên theo theo yêu cầu của các phần mềm/ứng dụng và chế độ báo cáo	Thường xuyên	Các Phòng/đơn vị chuyên môn	Phòng TT&CDS	
5.3.5	Quản trị Hệ thống CSDL	Thường xuyên	Phòng TT&CDS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
6	Phát triển nguồn nhân lực số				
6.1	Đào tạo, tập huấn cho công chức, viên chức và người lao động về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số.	Theo KH đào tạo, tập huấn cụ thể	Phòng TT&CDS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	Phụ thuộc nguồn kinh phí được cấp/phê duyệt dự án
6.2	Bổ sung cán bộ chuyên trách về CNTT; tăng cường năng lực/đào tạo chuyên sâu về CNTT cho cán bộ	Bắt đầu từ Quý II/2023	Phòng TT&CDS, Văn phòng Cục	Các đơn vị liên quan (Vụ TCCB, TT CDS và	

	chuyên trách			TKNN...)	
7	Đảm bảo an toàn thông tin mạng				
7.1	Xây dựng hệ thống tường lửa, hệ thống máy chủ, sao lưu dữ liệu, phần mềm diệt virus...	Thường xuyên	Phòng TT&CĐS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	
7.2	Xây dựng kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thông tin cho ứng dụng CNTT của Cục	Thường xuyên	Phòng TT&CĐS	Các Phòng/đơn vị liên quan; Cục KL	